

Số: 03 /2024/QĐST- DS

Vĩnh Lộc, ngày 26 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 280, Điều 299, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 47/2023 /TLST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V – Trụ sở: Số 89 L - Đ – H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô C D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V là Công ty Cổ phần M - Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà V, số 9 D, phường D, quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công Tr - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T – Trưởng phòng Xử lý nợ M Công ty cổ phần M.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Thế Th - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm thương mại T 27 -29, phường L, thành phố T, tỉnh T.

- **Bị đơn:** + Ông Lê Sỹ C, sinh năm 1980;

+ Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1983;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H là: ông Lê Sỹ C (theo giấy uỷ quyền ngày 09/01/2024).

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nghĩa vụ trả tiền:* Người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Thế Th và bị đơn ông Lê Sỹ C thống nhất, thoả thuận:

Ngày 06/01/2022, Ngân hàng TMCP V cho vợ chồng ông Lê Sỹ C, bà Trịnh Thị H vay 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) tại HĐ cho vay hạn mức số LN2112305000296 ngày 06/01/2022, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm tại thời điểm giải ngân, lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó sẽ được điều chỉnh 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Thời hạn trả nợ: nợ gốc được trả vào cuối kỳ vay; Nợ lãi trả hàng tháng định kỳ 01 tháng /lần vào ngày 15 hàng tháng. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/02/2022.

Ngân hàng đã giải ngân và vợ chồng ông C, bà H đã nhận được tiền theo Khế ước nhận nợ ngày 06/01/2022. Khi vay ông C, bà H đã thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 17 (do vẽ năm 2002), diện tích 1.035m² (trong đó đất ở là 200m², đất trồng cây lâu năm là 835m²) địa chỉ thửa đất tại thôn 7, xã H, huyện V, tỉnh T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 800812, số vào sổ cấp GCN: CS 00223 ngày 01/12/2021 đứng tên ông Nguyễn Hồng Q, bà Trần Thị M, ngày 21/12/2021 đã chuyển nhượng cho ông Lê Sỹ C, bà Trịnh Thị H.

Đến ngày 15/12/2022, vợ chồng ông C, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì thế nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Tính đến ngày 18/6/2024 ông Lê Sỹ C, bà Trịnh Thị H còn nợ Công ty cổ phần M tổng số tiền là 1.730.762.252 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng). Trong đó 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) tiền gốc và 430.762.252 đồng (bốn trăm ba mươi triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng) tiền lãi.

Nay ông Lê Sỹ C và bà Trịnh Thị H phải trả cho công ty cổ phần M tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/6/2024 là 1.730.762.252 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi hai đồng). Kể từ ngày 19/6/2024 ông C, bà H còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi, phí phát sinh

theo hợp đồng mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Công ty cổ phần M cùng với bị đơn tìm kiếm khách hàng mua tài sản của bị đơn là đất và tài sản gắn liền với đất mà ông C, bà H đã thế chấp với Ngân hàng Ngân hàng TMCP V để lấy tiền trả nợ cho công ty cổ phần M chậm nhất là ngày 18/7/2024.

Trường hợp hết ngày 18/7/2024 mà bị đơn ông Lê Sỹ C và bà Trịnh Thị H vẫn không bán được đất và tài sản gắn liền với đất để trả nợ cho Công ty cổ phần M thì công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho công ty cổ phần M là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 27, tờ bản đồ: 17 - đo vẽ năm 2002, có diện tích 1.035m² (trong đó: đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 835m²). Địa chỉ thửa đất: Thôn 7, xã H, huyện V, tỉnh T theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DD800812, số vào sổ cấp GCN: CS00223 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 01/12/2021 cho ông Nguyễn Hồng Q, bà Trần Thị M. Ngày 21/12/2021 chuyển nhượng cho ông Lê Sỹ C, bà Trịnh Thị H.

Số tiền phát mại các tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho công ty cổ phần M nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông C, bà H nếu thiếu ông C, bà H tiếp tục phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty cổ phần M.

- *Về án phí*: Bị đơn ông Lê Sỹ C, bà Trịnh Thị H phải chịu 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp các bên đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên tòa, nên Lê Sỹ C, bà Trịnh Thị H phải chịu 31.961.400đ (ba mươi một triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng là công ty cổ phần M số tiền 29.190.000 đồng (hai mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006052 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị H Giang